

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 428/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đúng;

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 831/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 188/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Phước H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/7/2024 và lời khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc P thì:

Bà và ông Trần Phước H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 168,

quyển số 01/2005 ngày 27/12/2005. Sau khi kết hôn, Bà và ông H chung sống tại xã I, huyện G, tỉnh Long An. Năm 2007, Bà và ông H chuyển về chung sống tại địa chỉ: ấp K, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2009 thì chuyển về chung sống tại địa chỉ: Đường Đ, ấp L, xã I, huyện G, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống; ông H không quan tâm, chăm sóc gia đình; từ năm 2013, ông H không đóng góp kinh tế gia đình, một mình Bà phải tự xoay xở để nuôi con. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Nay Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H.

Về việc nuôi con: Bà và ông Trần Phước H có 02 (hai) con chung là Trần Nguyễn Phương V, sinh ngày: 21/01/2007, giới tính: Nữ và Trần Hòa T, sinh ngày: 09/6/2008, giới tính: Nam. Hiện các con chung đều đang sống ổn định với Bà tại nhà của mẹ ruột của Bà ở địa chỉ: 156B/5, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Các con chung do Bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đều đang phát triển tốt. Bà đang tự kinh doanh quán cơm ngay tại nơi Bà và các con chung đang sống, thời gian mở cửa từ sáng đến trưa nên Bà có thu nhập ổn định, trung bình mỗi tháng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và có thời gian linh động để chăm sóc, nuôi dạy các con. Bà có chỗ ở, thu nhập ổn định và còn có sự hỗ trợ của người thân nên bà có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Con chung Trần Nguyễn Phương V đã thành niên, có đủ khả năng lao động để tự nuôi mình nên Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con đối với con chung Trần Nguyễn Phương V. Đối với con chung Trần Hòa T, Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Trần Phước H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Bị đơn – ông Trần Phước H đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Con chung Trần Hòa T, sinh ngày: 09/6/2008 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Công an xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3614/TAHBC ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông Trần Phước H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 4932/UBND ngày 03/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân thì:

“- Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Trần Phước H có từng chung sống với nhau tại địa chỉ ấp K, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại bà Nguyễn Thị Ngọc P không còn chung sống với ông Trần Phước H tại địa chỉ nêu trên.

- Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Trần Phước H có xảy ra mâu thuẫn hay không thì Ủy ban nhân dân xã E không nắm rõ.

- Theo cơ sở dữ liệu Hộ tịch Ủy ban nhân dân xã E đang quản lý thì không thấy thông tin đăng ký khai sinh các con của ông Trần Phước H với bà Nguyễn Thị Ngọc P”.

Theo kết quả xác minh ngày 22/01/2025 của Công an xã I, huyện G, tỉnh Long An tại Công văn số 3772/TAHBC ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân thì ông Trần Phước H và bà Nguyễn Thị Ngọc P có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Đường Đ, ấp L, xã I, huyện G, tỉnh Long An (từ năm 2019 – 2025), quá trình chung sống không rõ”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Phước H, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên tranh chấp giữa bà P và ông H là “tranh chấp ly hôn”. Theo kết quả xác minh của Công an xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3614/TAHBC ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông Trần Phước H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Phước H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông H.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Trần Phước H là hợp pháp. Theo Công văn số 4932/UBND ngày 03/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của bà P thì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể giải quyết dẫn đến vợ, chồng sống ly thân từ tháng 7/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông H để ông H trình bày ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối đối với các tình tiết do bà P đưa ra, không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định bà P và ông H đã sống ly thân; không thương yêu, quý trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà Ngọc có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con:

[3.1] Theo Bản sao Giấy khai sinh số 14, quyền số 01/2007 ngày 06/02/2007, Bản sao Giấy khai sinh số 72, quyền số 01/2008 ngày 16/6/2008 đều do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và trình bày của bà P thì bà P và ông H có 02 (hai) con chung là Trần Nguyễn Phương V, sinh ngày: 21/01/2007, giới tính: Nữ và Trần Hòa T, sinh ngày: 09/6/2008, giới tính: Nam.

[3.2] Đối với con chung Trần Nguyễn Phương V, sinh ngày: 21/01/2007: Tính đến thời điểm xét xử, con chung Trần Nguyễn Phương V đã thành niên. Bà P xác nhận con chung Trần Nguyễn Phương V có khả năng lao động để tự nuôi mình và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con đối với con chung Trần Nguyễn Phương V nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Đối với con chung Trần Hòa T, sinh ngày: 09/6/2008: Căn cứ Giấy khen vào sổ KT số 766/2022 ngày 26/5/2022 và Giấy khen vào sổ KT số

1175/2023 ngày 19/5/2023 điều của Trường Trung học cơ sở M, Giấy khen ngày 15/5/2024 theo Quyết định khen thưởng số 51/QĐ-TT của Trường Trung học phổ thông O, trình bày của con chung Trần Hòa T và trình bày của bà P thì con chung Trần Hòa T đang sống ổn định cùng bà P, do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển tốt. Bà P trình bày Bà có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Hòa T. Ông H không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu về việc nuôi con của bà P. Con chung Trần Hòa T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Như vậy, có cơ sở xác định việc giao con chung Trần Hòa T cho bà P trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, hạn chế việc xáo trộn môi trường sống, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.4] Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Trần Hòa T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được ghi nhận.

[3.3] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà P và đề nghị của Kiểm sát viên, giao bà P trực tiếp nuôi con chung Trần Hòa T, ghi nhận bà P tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà P trình bày Bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Bà P trình bày Bà và ông H không có nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 4; Điều 6; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn ông Trần Phước H.

2. Về việc nuôi con:

Giao bà Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp nuôi con chung là Trần Hòa T, sinh ngày: 09/6/2008, giới tính: Nam.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc P tự nguyện không yêu cầu ông Trần Phước H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Hoàng Thanh, không ai có quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042965 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (15).



Lê Nguyễn Thanh Thùy